TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN BUÔN ĐÔN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐẮK LẮK	

Bản án số: 06/2020/HSST

Ngày 18 tháng 3 năm 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hối.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Y Ngọc Ê Ban.

2. Bà Võ Thị Liên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên toà: Ông Trịnh Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/TLST- HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

- **Vương Minh T -** Sinh năm 2000, tại Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn X, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Dân tộc Nùng; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Triệu Văn Th1 và bà Vương Thị Th2;

Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 30/01/2017 bị Công an huyện B ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (phạt tiền 1.500.000 đồng) chưa chấp hành;

Ngày 16/12/2019 bị bắt theo lệnh truy nã và tạm giữ, chuyển tạm giam.

Ngày 27/2/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại (Có mặt).

Bị hại: **Võ Đại Kh** – sinh 1993.

Địa chỉ: Thôn Y, xã E2, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

1.Nguyễn Đình H – sinh 1979.

Địa chỉ: Thôn Z, xã T, huyện B, Đắk Lắk. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

2. Tạ Thị Thanh T – sinh năm 1986.

Địa chỉ: X/Y/Z đường A, Phường T, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

3. Tạ Văn T2 – sinh năm 1989.

Địa chỉ: X/Y/Z đường A, Phường T, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

Người phiên dịch : **Ông Nông Quang Tr** - phòng Dân tộc và Tôn giáo huyện B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vương Minh T không có việc làm ổn định, ham chơi game. Ngày 03/8/2019, T đến quán Internet M. thuộc thôn Y, xã E2, huyện B do anh Võ Đại Kh, làm chủ. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi T đang chơi game thì hết tiền, T đến bàn máy chủ quán với ý định nạp thêm tiền để chơi nhưng không có ai ở đó. Lúc này T thấy có chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s đang sạc pin để trên bàn. T quan sát không có ai đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại bỏ vào túi quần và rời khỏi quán, đi về trung tâm huyện. Ngày 04/8/2019 T bán chiếc điện thoại cho anh Nguyễn Đình H, chủ quán điện thoại 979, với giá 630.000 đồng. Ngày 05/8/2019 anh Võ Đại Kh đã trình báo với cơ quan công an về việc bị mất chiếc điện thoại Iphone 6s tại quán Internet M.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 26/8/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn xác định : Hiện trường nơi xảy ra vụ trộm cắp là tại quán Internet M, số nhà …, Thôn Y, xã E2, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu xám.

Bản kết luận định giá số 18/KLĐGTS ngày 20/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận : giá trị còn lại của chiếc điện thoại Iphone 6s đã qua sử dụng là 3.000.000 đồng.

Ngày 10/10/ 2019 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 197, trả lại chiếc điện thoại trên cho chủ sở hữu ông Võ Đại Kh.

Bản Cáo trạng số 09 /CT-VKS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đã truy tố bị cáo Vương Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự và nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bản thân là người dân tộc thiểu số, có ông ngoại là liệt sỹ, đề nghị áp dụng điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Đề nghị xét xử bị cáo mức án từ 03 (ba) tháng tù đến 06 (sáu) tháng tù.

Về tang vật của vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại chiếc điện thoại cho ông Võ Đại Kh.

Về khoản tiền 630.000 đồng (là khoản tiền Vương Minh T đã bán điện thoại trộm cắp, sau đó đã tiêu xài hết), là tiền do phạm tội mà có, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo nộp toàn bộ số tiền này để truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, không xử lý.

Người bị hại vắng mặt tuy nhiên các biên bản ghi lời khai trước đó thể hiện người này đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Nguyễn Đình H, Tạ Thị Thanh T2 và Tạ Văn T1 (là những người mua chiếc điện thoại mà Vương Minh T đã trộm cắp) vắng mặt nhưng đều không yêu cầu bị cáo bồi hoàn gì thêm.

Bị cáo thừa nhận luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B là đúng người đúng tội, đúng pháp luật; thấy ân hận và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo Vương Minh T tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 18 giờ ngày 03/8/2019, tại quán Internet M – Thôn Y, xã E2, huyện B bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại của ông Võ Đại Kh, bỏ vào túi quần, nhanh chóng rời khỏi quán. Sau đó T đã mang chiếc điện thoại trên ra quảng trường Trung tâm huyện B, tự mở khóa màn hình, mở máy nghe nhạc đến khi hết pin. Sáng hôm sau, bị cáo đã vào tiệm điện thoại di động 979 của anh Nguyễn Đình H, bán lại chiếc điện thoại với giá 630.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

Bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi do mình thực hiện cũng như hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét phần luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Vương Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều luật quy định:

1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả xảy ra cần áp dụng hình phạt phù hợp để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, cần áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 khi lượng hình.

[5] Về áp dụng hình phạt:

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B về việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ (các điểm h, i, s) quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng có nhân thân xấu. Có một tiền sự: ngày 30/01/2017 bị Công an huyện B ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (phạt tiền 1.500.000 đồng) nhưng trốn tránh, chưa chấp hành. Ngoài ra sau khi phạm tội, đã bỏ trốn, ngày16/12/2019 bị bắt theo lệnh truy nã. Vậy nên đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là không phù hợp, không chấp nhận.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra

quyết định xử lý vật chứng số 197 ngày 10/10/2019 trả lại cho ông Võ Đại Kh là chủ sở hữu chiếc điện thoại mà bị cáo đã trộm cắp.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo nộp sung công quỹ số tiền 630.000 đồng do phạm tội mà có.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bồi thường gì thêm, không đề cập. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Nguyễn Đình H, Tạ Thị Thanh T2 và Tạ Văn T1 (là những người mua chiếc điện thoại mà Vương Minh T đã trộm cắp) không yêu cầu bị cáo bồi hoàn gì thêm, không đề cập.

[8] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Vương Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Vương Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vương Minh T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ 16/12/2019 đến 27/02/2020.

Về các biện pháp tư pháp:

- Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Buôn Đôn đã trả lại chiếc điện thoại cho ông Võ Đại Kh.

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo nộp số tiền 630.000 đồng do phạm tội mà có để truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bồi thường gì thêm, không đề cập. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Nguyễn Đình H, Tạ Thị Thanh T2 và Tạ Văn T1 (là những người mua chiếc điện thoại mà Vương Minh T đã trộm cắp) không yêu cầu bị cáo bồi hoàn gì thêm, không đề cập.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trọng Hối

Nguyễn Trọng Hối